

Số: 6883/BCT-ĐB

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

*V/v xác định cơ quan đầu  
mỗi phối hợp triển khai Đề  
án FTA Index tại địa phương*

***Kính gửi:*** Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

Tại công văn số 5678/VPCP-QHQT ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh đã đồng ý phê duyệt Đề án xây dựng Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện các FTA hàng năm của các địa phương (FTA Index), đồng thời giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Đề án.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ và căn cứ Đề án FTA Index đã được phê duyệt (Phụ lục kèm theo), Bộ Công Thương đề nghị quý Cơ quan xác định cơ quan đầu mối tại địa phương để phối hợp với Bộ Công Thương triển khai Đề án FTA Index. Công văn trả lời đề nghị gửi ***trước ngày 10 tháng 11 năm 2022*** để Bộ Công Thương kịp thời tổng hợp và triển khai thực hiện Đề án.

Thông tin chi tiết xin liên hệ Vụ Chính sách thương mại đa biên, Bộ Công Thương (số điện thoại: 024 22205420, email: vantrh@moit.gov.vn).

Bộ Công Thương trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Lưu: VT, DB.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Trần Quốc Khánh**

# **ĐỀ ÁN XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO HÀNG NĂM CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG (FTA INDEX)**

*(đã được Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh phê duyệt tại công văn số 5678/VPCP-QHQT ngày 31 tháng 8 năm 2022)*

## **I. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

Việc nghiên cứu triển khai xây dựng Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực thi các FTA của các địa phương đã được Bộ Công Thương đề xuất tại Báo cáo kết quả triển khai Hiệp định CPTPP của các Bộ, ngành và địa phương năm 2019 tại công văn 696/BCT-ĐB ngày 05 tháng 2 năm 2020. Trong chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về kết quả triển khai tại công văn số 1153/VPCP-QHQT ngày 15 tháng 2 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Bộ Công Thương “Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện Hiệp định CPTPP hàng năm của các Bộ, ngành và địa phương để nâng cao hiệu quả trong việc thực thi Hiệp định”.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 99/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, trong đó giao Bộ Công Thương thực hiện Đề án xây dựng Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện các Hiệp định thương mại tự do hàng năm của các địa phương (FTA Index) với thời gian trình Thủ tướng Chính phủ vào Quý II/2022.

Ngoài ra, việc xây dựng FTA Index phù hợp với chủ trương tiếp tục tận dụng hiệu quả các FTA của Đảng được nêu cụ thể tại Nghị quyết số 06/NQ-TW ngày 05 tháng 11 năm 2016 của Ban Chấp hành Trung Ương Đảng về thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và Chỉ thị số 25/CT-TW ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Ban Bí thư Trung Ương Đảng về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030.

## **II. SỰ CẦN THIẾT**

Trên cơ sở các chủ trương, định hướng lớn mà Đảng và Chính phủ đã đề ra về hội nhập kinh tế quốc tế, trong thời gian qua, Việt Nam đã chủ động, tích cực tham gia sâu vào các thể chế toàn cầu, khu vực, đối ngoại đa phương và song phương, với các dấu mốc quan trọng như gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), là thành viên sáng lập của Diễn đàn kinh tế Á - Âu (ASEM), trở thành thành viên của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Trong tiến trình hội nhập kinh tế, sự hình thành các Hiệp định thương mại tự do (FTA) là một xu thế đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới. Theo thống kê của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), tính tới tháng 12/2021 có khoảng 352 FTA đang có hiệu lực, tăng đáng kể so với con số 214 FTA vào năm 2010 hoặc trước đó là 98 FTA vào năm 2000. Dưới hình thức song phương hoặc đa phương, các FTA xác lập lộ trình cắt giảm và xóa bỏ hàng rào thuế quan cung như phi thuế quan tiến tới việc thành lập một khu vực thương mại tự do, mở rộng cơ hội kinh tế cho mỗi nước thành viên, từ đó thúc đẩy thương mại quốc tế.

Cho tới nay, Việt Nam đã tham gia và ký kết 15 FTA ở cả ở cấp độ song phương và nhiều bên<sup>1</sup>, qua đó thiết lập được quan hệ thương mại tự do với nhiều nước đối tác thương mại hàng đầu trên thế giới và qua đó thực hiện tốt chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước trong nỗ lực đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác, tạo thế đan xen lợi ích và tăng độ tin cậy với các đối tác chiến lược.

Việc tham gia các FTA đã mang lại cho Việt Nam những kết quả tích cực. Đó là góp phần thúc đẩy tăng trưởng và đa dạng hoá thị trường xuất nhập khẩu, giảm nhẹ các khó khăn đối với nền kinh tế và cộng đồng doanh nghiệp do đại dịch COVID-19 gây ra trong 2 năm gần đây. Kể từ khi thực thi Hiệp định CPTPP, kim ngạch trao đổi thương mại hai chiều giữa Việt Nam và các nước CPTPP (tính cho 6 nước mà Hiệp định CPTPP đã có hiệu lực gồm Mê-hi-cô, Ca-na-đa, Nhật Bản, Xinh-ga-po, Ôt-xtrây-lia và Niu Di-lân) đã cho thấy những tăng trưởng đáng kể. Ngay từ năm đầu tiên thực thi Hiệp định CPTPP (2019), kim ngạch hai chiều đạt 64,5 tỷ USD, tăng 4,7% so với năm 2018. Trong đó, xuất khẩu sang hai thị trường mới mà Việt Nam chưa có quan hệ FTA trước đó như Ca-na-đa và Mê-hi-cô ghi nhận mức tăng mạnh, với xuất khẩu sang Ca-na-đa năm 2021 tăng 20,8%, xuất khẩu sang Mê-hi-cô tăng 44,5% so với năm 2020. Đối với Hiệp định EVFTA, xuất khẩu sang các nước EU năm 2021 tăng 14,2% so với năm trước. Trong khi đó, xuất khẩu sang thị trường Vương quốc Anh năm 2021 tăng 16,4% so với năm 2020.

Việc triển khai các FTA cũng đang đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút đầu tư từ các đối tác có FTA với Việt Nam. Những tác động tích cực khác cũng có thể quan sát được trong lĩnh vực công nghiệp, như tăng tỷ trọng xuất khẩu hàng chế biến, giảm tỷ trọng hàng thô, sơ chế, tăng tỷ trọng hàng công nghệ chế biến... Hoặc trong lĩnh vực nông nghiệp, như tạo điều kiện phát triển sản xuất trong nước, tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của hàng nông, lâm, thủy sản và tăng cường hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, an dụng khoa học - công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của hàng nông, lâm, thủy sản và tăng cường hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn, vệ sinh thực phẩm, thay đổi cơ cấu sản xuất và phát huy cao hơn lợi thế so sánh của các ngành hàng trong sản xuất nông, lâm, thủy sản... Việc thực hiện các cam kết trong các FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới với tiêu chuẩn cao cũng dần tạo ra những động lực đổi mới trong nước nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế, cải thiện đời sống của người dân.

Tuy nhiên, việc tham gia các FTA thời gian qua vẫn còn một số vấn đề cần lưu ý. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, dư địa để tận dụng hiệu quả cơ hội từ các FTA, đặc biệt các FTA mới đi vào thực thi gần đây như CPTPP, EVFTA, UKVFTA... còn rất lớn. Theo khảo sát của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) về kết quả thực hiện một số các FTA thế hệ mới như CPTPP và EVFTA, chỉ có 29% doanh nghiệp có giao dịch xuất nhập khẩu với các nước CPTPP từng có lô hàng được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định. Ngoài ra, kết quả tổng hợp báo cáo về thực thi của các địa phương cho thấy đối với Hiệp định EVFTA, hiện có khoảng 38/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực thuộc trung ương có hoạt động xuất nhập khẩu với các nước EU và khoảng trên dưới 50% tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực thuộc trung ương có hoạt động xuất nhập khẩu với các nước CPTPP. Nếu chỉ tính các nước mới có quan hệ FTA như Ca-na-đa, Mê-hi-cô và Pê-ru thì số lượng còn thấp hơn rất

nhiều. Thêm vào đó, hoạt động xuất nhập khẩu của nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực thuộc trung ương hiện nay còn tập trung vào các thị trường truyền thống, chưa đẩy mạnh sang các thị trường mới có FTA trong CPTPP hay ngay cả EVFTA. Có những địa phương kim ngạch xuất khẩu rất lớn nhưng tỷ trọng các thị trường quan trọng trong CPTPP như Ca-na-da hay các nước EU còn tương đối khiêm tốn.

Thứ hai, trong thời gian vừa qua, dù nhận thức về công tác hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và thực thi FTA nói riêng của một số cơ quan, địa phương đã được cải thiện nhưng công tác dự báo, sự quan tâm và đánh giá đúng mức phạm vi tác động của hội nhập và thực thi FTA còn nhiều hạn chế, chưa có tính hệ thống và kịp thời. Nhiều địa phương chưa thực sự chủ động vào cuộc trong việc xây dựng định hướng, chiến lược tận dụng FTA cho các doanh nghiệp tại địa phương mình. Điều này cũng một phần là do đội ngũ cán bộ ở các cơ quan, địa phương tham mưu về công tác hội nhập kinh tế quốc tế còn mỏng, chưa được đào tạo bài bản và cập nhật thường xuyên về các thông tin hay kiến thức cần thiết phục vụ cho công việc của mình.

Thứ ba, việc Việt Nam chưa có cơ chế đánh giá chi tiết, khách quan và liên tục về kết quả thực hiện các FTA tại từng địa phương đang cản trở khả năng tận dụng các FTA, đồng thời gây khó khăn cho Chính phủ và Quốc hội trong công tác chỉ đạo, điều hành và giám sát thực thi các FTA.

Trên cơ sở các phân tích về sự cần thiết nêu trên, với mục tiêu đánh giá chính xác, khách quan và liên tục các kết quả thực hiện FTA mà Việt Nam đã ký kết và thực thi để từ đó làm cơ sở tin cậy cho việc điều chỉnh và xây dựng các chính sách hỗ trợ hợp lý, giúp cho người dân nâng cao nhận thức và các doanh nghiệp có sự chuẩn bị đầy đủ, để từ đó tận dụng tốt thời cơ và các cơ hội mà các Hiệp định FTA thế hệ mới mang lại, việc xây dựng FTA Index là rất cần thiết.

### **III. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

Mục tiêu của Đề án là xây dựng FTA Index nhằm thực hiện các mục tiêu sau:

1. Với người dân và doanh nghiệp, FTA Index phản ánh mức độ hiệu quả của các FTA đem lại tới các địa phương, đặc biệt đánh giá đến những đối tượng thụ hưởng trực tiếp là doanh nghiệp và người tiêu dùng.

2. Với các nhà đầu tư, FTA Index là thông tin bổ sung tin cậy giúp các nhà đầu tư định hướng và đưa ra quyết định đầu tư, từ đó giúp khuyến khích các dòng đầu tư chất lượng cao tận dụng cơ hội từ các FTA.

3. Với Chính phủ và Quốc hội, FTA Index là cơ sở thông tin quan trọng để tăng cường chỉ đạo, giám sát công tác thực thi FTA tại các địa phương.

4. Với các cơ quan trung ương, FTA Index giúp tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước, vai trò của các cơ quan trung ương trong việc hỗ trợ các địa phương và doanh nghiệp nhằm tận dụng cơ hội và giảm thiểu rủi ro, thách thức từ các FTA.

5. Với các cơ quan địa phương, FTA Index giúp đánh giá kết quả thực hiện các FTA của các địa phương so với chương trình hành động do Chính phủ ban hành cũng như các chương trình hành động mà chính các địa phương xây dựng nhằm thực thi các FTA từ đó tìm ra những ưu điểm cũng như hạn chế trong việc thực hiện các FTA này.

Đồng thời, đây cũng là cơ sở quan trọng cho việc hoạch định chính sách, chiến lược phát triển tại địa phương.

6. FTA Index giúp tạo động lực tăng cường quan tâm của các cơ quan, địa phương, người dân và doanh nghiệp đối với việc khai thác và tận dụng các FTA cũng như công tác hội nhập kinh tế quốc tế.

#### **IV. NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

##### **1. Phương pháp luận và cách thức xây dựng FTA Index**

*Phương pháp luận* của việc xây dựng FTA Index là việc tập trung lượng hóa các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá gắn với Kế hoạch thực thi các FTA mà Chính phủ đã ban hành, từ đó đưa ra các đánh giá về mức độ thực thi các FTA của từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực thuộc trung ương, trong đó xem xét cả các yếu tố khách quan và chủ quan tại từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để loại bỏ các thông tin thiếu chính xác thu thập được trong quá trình nghiên cứu.

*Phương pháp thực hiện:* Việc xây dựng FTA Index sẽ được thực hiện bởi Bộ Công Thương thông qua các hoạt động (i) khảo sát và thu thập dữ liệu sơ cấp doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong nước, doanh nghiệp tại khu vực kinh tế Nhà nước tại địa phương (ii) thu thập dữ liệu thứ cấp từ các nguồn thông tin đáng tin cậy từ trong và ngoài nước, (iii) phân tích, xây dựng và kiểm định mô hình tính toán Bộ chỉ số, (iv) đánh giá và đưa ra giải pháp thúc đẩy việc thực thi các FTA tại từng địa phương thông qua Bộ chỉ số của địa phương đó, (iv) ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, xử lý dữ liệu, đặc biệt trực tuyến.

*Mục tiêu của phương pháp thực hiện* tập trung nhận diện hiện trạng tiếp cận thông tin, mức độ thụ hưởng các chương trình hỗ trợ tận dụng cơ hội từ các FTA, cũng như thu thập thông tin về các vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp trong lĩnh vực này. Kết quả khảo sát sẽ góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng và thực thi các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTA, từ đó góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp khai thác hiệu quả hơn các FTA trong thời gian tới. Khảo sát cũng thử nghiệm thu thập dữ liệu cho việc xây dựng FTA Index tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Việt Nam (Chỉ số Hội nhập FTA), nhằm cung cấp một bộ công cụ để theo dõi và thúc đẩy chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Việt Nam nâng cao hiệu quả các chương trình hội nhập FTA.

*Cách thức chọn mẫu:* Điều tra tiến hành chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng dựa trên danh sách doanh nghiệp có phát sinh hoạt động thuế tại mỗi tỉnh, thành phố ở Việt Nam. Việc chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng nhằm đảm bảo tính đại diện cho tổng thể doanh nghiệp tại mỗi địa phương. Theo đó, danh sách tổng thể doanh nghiệp tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được tổng hợp và phân nhóm theo loại hình pháp lý (doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần), ngành nghề sản xuất kinh doanh chính (công nghiệp, xây dựng, thương mại/dịch vụ, nông/lâm/ngư nghiệp) và số năm hoạt động của doanh nghiệp (dưới 5 năm, từ 5-15 năm, trên 15 năm). Phần mềm máy tính sẽ tự động lựa chọn ngẫu nhiên các doanh nghiệp nằm trong diện khảo sát theo tỷ lệ của từng nhóm nói trên tại từng địa phương.

*Cách thức điều tra:* Từ danh sách chọn mẫu, nhóm nghiên cứu xác minh địa chỉ và số điện thoại, sau đó tiến hành gửi phiếu khảo sát tới các doanh nghiệp. Để cải thiện tỷ lệ phản hồi, nhóm nghiên cứu triển khai tập huấn kỹ lưỡng cho các liên lạc viên về nội dung khảo sát và kỹ năng liên lạc với doanh nghiệp. Cùng với đó, nhóm

nghiên cứu chú ý tới việc thiết kế bộ phiếu khảo sát chuyên nghiệp, cung cấp bản mềm phiếu khảo sát đồng thời với việc in ấn bộ phiếu khảo sát và gửi tới doanh nghiệp với thư mời khảo sát cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu khảo sát cũng như cơ quan thực hiện để củng cố mức độ tin cậy đối với các doanh nghiệp.

*Nội dung khảo sát:* Phiếu khảo sát bao gồm các nội dung chính: (1) Tiếp cận thông tin về các FTA; (2) Thực hiện quy định pháp luật (đánh giá các vướng mắc trong quá trình tuân thủ pháp luật thực hiện các FTA); (3) Việc triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTA (đánh giá của doanh nghiệp về một số chương trình hỗ trợ tận dụng cơ hội của các FTA); (4) Thực hiện các cam kết về phát triển bền vững (Xem chi tiết phiếu khảo sát tại Phụ lục 1 Báo cáo).

## **2. Thời gian khảo sát và xây dựng FTA Index**

Bộ Chỉ số FTA Index thường niên sẽ được xây dựng dựa trên nguồn thông tin dữ liệu thống kê và thông tin khảo sát doanh nghiệp hàng năm. Việc thu thập thông tin từ 63 tỉnh thành phố có khối lượng lớn cần nhiều thời gian và nguồn lực để triển khai. Do vậy, từ việc triển khai thí điểm năm 2021, khảo sát FTA Index sẽ cần thời gian tối thiểu 6 tháng để triển khai thu thập dữ liệu phục vụ xây dựng bộ chỉ số.

## **3. Xây dựng mô hình tính toán FTA Index**

Năm 2021, Bộ Công Thương đã tiến hành việc khảo sát và thu thập dữ liệu sơ cấp doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong nước. Từ kết quả thu thập được, Bộ Công Thương đã thử nghiệm xây dựng mô hình tính toán FTA Index và kiểm định tính đúng đắn của mô hình.

### **3.1 Xây dựng FTA Index**

Tổng quan về kết quả khảo sát năm 2021 như sau:

#### **3.1.1. Đặc điểm doanh nghiệp phản hồi**

Khảo sát FTA do Bộ Công Thương thực hiện với khoảng 1650 doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong nước, trong đó đáng chú ý:

- Chiếm phần đa các doanh nghiệp tham gia khảo sát là loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) (67,68%). Khảo sát cũng có sự tham gia của các doanh nghiệp là công ty cổ phần (CTCP) (20,36%), doanh nghiệp tư nhân (DNTN) (10,49%) và các loại hình khác (1,47%).

- Khảo sát này có sự tham gia của các doanh nghiệp với thời gian hoạt động khá đa dạng. Những doanh nghiệp thành lập từ 3-5 năm là nhóm chiếm tỷ lệ cao nhất (26%) tham gia cuộc khảo sát này. Những doanh nghiệp có thời gian hoạt động trên 20 năm chiếm tỷ lệ thấp nhất (6%).

- Nhóm chiếm tỷ lệ lớn nhất là các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ (60%). Nhóm doanh nghiệp trong lĩnh vực khai khoáng chiếm tỷ lệ 1%, thấp nhất trong tổng số phản hồi.

- Dù là theo quy mô vốn hay quy mô lao động, có thể thấy rằng đa số các doanh nghiệp phản hồi khảo sát là các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa. Doanh nghiệp quy mô lớn chỉ chiếm khoảng 2-3% tổng số phản hồi.

- Kết quả khảo sát cho thấy có khoảng 22% trong số doanh nghiệp trả lời có chủ doanh nghiệp là nữ.



### **3.1.2 Các kết quả khảo sát chính**

#### **a. Tiếp cận thông tin về các FTA**

*Mức độ nhận biết của doanh nghiệp về các FTA và cơ quan đầu mối cung cấp thông tin:* Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ nhận biết của các doanh nghiệp về các FTA là khá khiêm tốn. Những khía cạnh so sánh bao gồm các đánh giá theo loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực hoạt động, quy mô vốn và quy mô lao động, số năm hoạt động và so sánh theo vùng nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Trong 3 Hiệp định được liệt kê để lấy ý kiến khảo sát bao gồm Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), FTA Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA), FTA Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA), thì mức độ nhận biết của Hiệp định CPTPP là cao nhất, tuy nhiên cũng chỉ ở mức 30% sau đó đến EVFTA với 29% và UKFTA với 14% dù hiệp định này chỉ mới được ký kết vào ngày 29/12/2020. Khoảng 14% doanh nghiệp cung cấp thông tin về FTA khác, ví dụ FTA ASEAN - Trung Quốc (ACFTA), FTA ASEAN - Ấn Độ (AIFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)...

*Về hoạt động tuyên truyền, phổ biến các FTA tại địa phương:* Khảo sát FTA 2021 có tìm hiểu việc triển khai các hoạt động tuyên truyền phổ biến thông tin các FTA cho cộng đồng doanh nghiệp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong 1 năm trở lại đây. Qua loạt câu hỏi về việc doanh nghiệp đã tham dự bao nhiêu sự kiện tuyên truyền, phổ biến về các FTA do cơ quan nhà nước địa phương tổ chức, loại hình sự kiện tham gia nếu có và đánh giá chất lượng nội dung của sự kiện tham gia gần nhất. Khoảng 20% doanh nghiệp cho biết từng tham dự sự kiện tập huấn về các FTA do cơ quan nhà nước địa phương tổ chức, trong đó có 16% tham dự 1 cuộc, 3,2% tham dự từ 2-3 cuộc và chỉ có 1,4% tham dự trên 4 cuộc trở lên. Như vậy, vẫn còn 80% doanh nghiệp cho biết chưa tham gia bất kỳ sự kiện phổ biến, tuyên truyền về các FTA do cơ quan nhà nước địa phương tổ chức. Kết quả cho thấy, tỷ lệ doanh nghiệp từng tham gia các sự kiện phổ biến, tuyên truyền về các FTA không có sự khác biệt đáng kể theo số năm hoạt động hay lĩnh vực hoạt động. Tuy nhiên có sự khác biệt giữa các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn với các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ. Nhìn chung, các doanh nghiệp đánh giá chất lượng của các sự kiện phổ biến FTA là khá tích cực.

*Về việc cung cấp thông tin thị trường do cơ quan địa phương cung cấp:* Khi doanh nghiệp được hỏi có nhận được thông tin dự báo, định hướng thị trường từ các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương cung cấp hay không, chỉ có 31% cho biết có nhận được và 69% trả lời là không. Theo quy mô doanh nghiệp cả về lao động lẫn vốn, các doanh nghiệp lớn có tỷ lệ đánh giá chất lượng các thông tin dự báo, định hướng thị trường là tốt đều cao hơn các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

#### **b. Thực hiện các quy định pháp luật hướng dẫn các FTA**

*Đánh giá việc thực hiện văn bản pháp luật hướng dẫn thực thi các FTA:* Tỷ lệ doanh nghiệp gặp phải vướng mắc trong quá trình thực hiện các văn bản pháp luật hướng dẫn thực thi các FTA cho doanh nghiệp là khá cao. Có đến 49% doanh nghiệp cho biết đã từng gặp phải vướng mắc. Không có sự khác biệt quá lớn về tỷ lệ doanh nghiệp gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện văn bản pháp luật hướng dẫn thực thi các FTA, dù là doanh nghiệp mới thành lập hay đã hoạt động lâu năm. Quan sát tương tự cũng có thể thấy qua lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp.

*Chất lượng giải đáp vướng mắc:* Theo kết quả từ dữ liệu khảo sát, 65% doanh nghiệp gặp vướng mắc đều nhận được giải đáp hiệu quả từ các cơ quan nhà nước tại địa phương. Tuy nhiên vẫn có đến 35% doanh nghiệp cảm thấy các giải đáp chưa hiệu quả. Các doanh nghiệp vừa và lớn đánh giá chất lượng giải đáp thắc mắc của cơ quan nhà nước địa phương là hiệu quả cao hơn các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Đây có thể là gợi ý hữu ích cho các cơ quan nhà nước có liên quan cân nhắc quan tâm hơn tới việc giải đáp cho các doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ.

*c. Đánh giá một số chương trình hỗ trợ hội nhập FTA*

Chưa có nhiều doanh nghiệp nhận biết được về các chương trình hỗ trợ hội nhập FTA. Với 5 nội dung: (i) hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTA; (ii) hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh; (iii) hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao chất lượng quản trị, nguồn nhân lực; (iv) hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường kết nối doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI; (v) hỗ trợ doanh nghiệp gặp khó khăn do sức ép cạnh tranh, tỷ lệ nhận biết dao động từ 18-21%.

Mức độ tham gia các chương trình hỗ trợ hội nhập FTA của các doanh nghiệp còn rất hạn chế. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh có tỷ lệ doanh nghiệp tham gia cao nhất, nhưng cũng chỉ 1,2% doanh nghiệp đã tham gia.

Dù số lượng các doanh nghiệp tham gia các chương trình hỗ trợ chưa nhiều, nhưng nghiên cứu này cũng thử tìm hiểu mức độ thuận lợi của các doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hưởng hỗ trợ. Nhìn chung, nếu có thể tiếp cận thì đa phần các doanh nghiệp cảm thấy việc thực hiện các thủ tục hưởng hỗ trợ từ một số chương trình hỗ trợ hội nhập FTA là thuận lợi với tỷ lệ đánh giá hoàn toàn thuận lợi/phần lớn thuận lợi là 72,5-76%; các chương trình này cũng được doanh nghiệp đánh giá cao về mức độ hữu ích, với tỷ lệ đánh giá hoàn toàn hữu ích/phần lớn là hữu ích rơi vào khoảng 74,7-79,4%.

*d. Việc thực hiện quy định thành lập tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp theo cam kết của các FTA*

Mặc dù chưa nhiều doanh nghiệp (37%) biết rõ các quy định về việc thành lập các tổ chức lao động tại doanh nghiệp theo cam kết của FTA, song tỷ lệ doanh nghiệp cho biết đã tuân thủ quy định thành lập tổ chức của người lao động lại khá cao, lên đến 71%.

- Công ty cổ phần là loại hình pháp lý có tỷ lệ nhận biết (44%) cũng như tuân thủ (78%) các quy định pháp luật về thành lập tổ chức của người lao động cao nhất khi so sánh với hai loại hình DNTN và công ty TNHH. Tuy nhiên, cần thận trọng với kết quả điều tra này, bởi có thể do cách hiểu của doanh nghiệp là việc thành lập tổ chức của người lao động nói chung, thay cho việc thành lập tổ chức không thuộc hệ thống Công đoàn Việt Nam. Vấn đề này sẽ được nhóm nghiên cứu điều chỉnh lại câu hỏi để đánh giá kỹ hơn trong khảo sát các năm tiếp theo.

- Nhóm các doanh nghiệp hoạt động từ 20 năm trở lên là nhóm dẫn đầu trong tỷ lệ nhận biết (40%) và tuân thủ (75%), trong khi đó nhóm các doanh nghiệp hoạt động từ 6-10 năm có tỷ lệ thấp nhất, nhưng chênh lệch giữa hai nhóm này không quá lớn (hơn kém nhau 6-7%).



- Nhóm các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại/dịch vụ đang có tỷ lệ nhận biết (35%) và tuân thủ (68%) thấp hơn so với các nhóm còn lại, trong khi đó tỷ lệ này ở các doanh nghiệp thuộc nhóm công nghiệp lại cao nhất (tỷ lệ nhận biết là 42%, tỷ lệ tuân thủ là 77%).

- Tỷ lệ nhận biết và tuân thủ khá tương đồng giữa doanh nghiệp do nam giới làm chủ và nữ giới làm chủ. Nhóm doanh nghiệp do nam giới làm chủ nhỉnh hơn nhóm nữ giới làm chủ 1-2%.

- Theo vùng địa lý, Đông Nam Bộ là khu vực có tỷ lệ nhận biết cao nhất nhưng lại có tỷ lệ tuân thủ các quy định thành lập tổ chức người lao động thấp nhất.

Khoảng 87,4% trở lên các doanh nghiệp đánh giá việc thực hiện thủ tục thành lập tổ chức lao động được “hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ”; “các vướng mắc được giải quyết nhanh chóng” và “thời gian giải quyết hồ sơ đúng với quy định”.

#### *e. Thực hiện các cam kết về phát triển bền vững*

Các nội dung về thực hiện cam kết bền vững theo các FTA chưa thật sự được phổ biến. Chỉ có 21% doanh nghiệp biết đến các quy định về phát triển bền vững do chính quyền địa phương ban hành; 44% doanh nghiệp cho biết có các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở phát triển bền vững; 18% doanh nghiệp đã tham gia các chương trình hỗ trợ này.

- Công ty cổ phần tiếp tục là loại hình dẫn đầu trong tỷ lệ so với hai nhóm công ty TNHH và DNTN.

- Nhóm các doanh nghiệp lớn đang có cơ hội tiếp cận nhiều hơn đến các chính sách và chương trình về phát triển bền vững so với nhóm các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

- Doanh nghiệp đang hoạt động tại Tây Nguyên nhìn chung thuận lợi hơn trong việc tiếp cận các nội dung về cam kết bền vững, trong khi đó Đông Nam Bộ là khu vực mà doanh nghiệp có tỷ lệ biết đến các quy định và các hoạt động về phát triển bền vững còn khá thấp, Duyên hải Miền Trung là vùng có tỷ lệ được tham gia ít nhất trong số 6 vùng địa lý theo khảo sát FTA.

- Các doanh nghiệp do nữ giới làm chủ dường như chưa có cơ hội tiếp cận nội dung này nhiều như các doanh nghiệp do nam giới làm chủ. Mức độ chênh lệch thể hiện rõ nhất ở việc biết đến các chương trình và được tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở phát triển bền vững.

Nhìn chung, các doanh nghiệp tương đối hài lòng với việc thực hiện thủ tục để thụ hưởng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện phát triển bền vững. 62,5% đánh giá thủ tục hoàn toàn thuận lợi và 64,8% đánh giá hỗ trợ đó hoàn toàn hữu ích với doanh nghiệp.

Kết quả chi tiết về việc xây dựng thí điểm FTA Index cho năm 2021 được thể hiện tại Phụ lục đính kèm.

### ***3.2 Kết quả thử nghiệm xây dựng FTA Index tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương***

Khảo sát cũng thử nghiệm thu thập dữ liệu cho việc xây dựng FTA Index tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Việt Nam (Chỉ số FTA), nhằm cung cấp một bộ công cụ để theo dõi và thúc đẩy chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc

trung ương tại Việt Nam nâng cao hiệu quả các chương trình hội nhập FTA. Từ dữ liệu khảo sát tại cấp tỉnh thu được qua khảo sát FTA 2021, nhóm nghiên cứu đề xuất Bộ Chỉ số hội nhập FTA gồm 4 chỉ số thành phần: (1) Tiếp cận thông tin về các FTA; (2) Thực hiện quy định pháp luật; (3) Một số chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTA; và (4) Thực hiện các cam kết về phát triển bền vững. Kết quả các chỉ số thành phần như sau:

- *Tiếp cận thông tin về các FTA*: Điểm số của tỉnh cao nhất đạt 7,45 điểm, trong khi điểm số của tỉnh thấp nhất chỉ là 2,27 điểm trên thang điểm 10. Điểm trung bình của chỉ số thành phần này là 4,65 điểm và điểm số tỉnh trung vị chỉ ở mức 4,29 điểm.

- *Thực hiện quy định pháp luật*: Tỉnh có cao nhất đạt 8,65 điểm, tỉnh có điểm số thấp nhất là 4,56 điểm. Giá trị trung bình của chỉ số thành phần 2 là 6,45 điểm và giá trị trung vị của chỉ số thành phần 2 đạt 6,41 điểm.

- *Việc triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTA*: Tỉnh có điểm số cao nhất đạt 6,96 điểm, tỉnh có điểm số thấp nhất chỉ là 1,58 điểm. Giá trị trung bình của chỉ số thành phần 3 là 4,67 điểm và giá trị trung vị của chỉ số thành phần này là 4,60 điểm.

- *Thực hiện các cam kết về phát triển bền vững*: tỉnh cao nhất đạt 8,93 điểm, song tỉnh thấp nhất chỉ là 2,43 điểm. Giá trị trung bình của chỉ số thành phần 4 là 5,89 điểm và giá trị trung vị là 6,05 điểm.

Chỉ số Hội nhập FTA hợp thành từ 4 chỉ số thành phần theo thang điểm 100, đánh giá mức độ khác biệt giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc triển khai các chương trình hỗ trợ hội nhập FTA. Cụ thể:

- Chỉ số hội nhập FTA là điểm số tổng hợp của 4 chỉ số thành phần theo thang điểm 100. Kết quả cho thấy tỉnh có điểm số tổng hợp cao nhất là 68,59 điểm, trong khi tỉnh có điểm số thấp nhất chỉ đạt 36,34 điểm. Giá trị trung bình của điểm số tổng hợp là 53,69 điểm và giá trị trung vị là 53,23 điểm.

- Theo kết quả thí điểm năm 2021, chỉ có 1 tỉnh nằm trong nhóm Rất tốt và 9 tỉnh nằm trong nhóm Tốt. Số tỉnh nằm trong nhóm chất lượng Khá là 21. Có 22 tỉnh nằm trong nhóm Trung bình, 9 tỉnh nằm trong nhóm Tương đối thấp và 1 tỉnh trong nhóm Thấp.

Kết quả thử nghiệm xây dựng FTA Index tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho năm 2021 được thể hiện tại Phụ lục đính kèm.

## **VI. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN KHI TRIỂN KHAI FTA INDEX**

Việc triển khai thí điểm xây dựng FTA Index trong thời gian qua có những thuận lợi và khó khăn như sau:

### **1. Thuận lợi**

Thứ nhất, trong thời gian qua, Đảng, Chính phủ và Quốc hội đã rất quan tâm chỉ đạo đối với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và tham gia các FTA nói riêng. Đây là nền tảng quan trọng để các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có cơ sở triển khai các biện pháp cụ thể để thúc đẩy quá trình thực hiện các FTA, từ đó giúp tạo thuận lợi cho Bộ Công Thương trong quá trình phối hợp xây dựng FTA Index.

Thứ hai, căn cứ theo Kế hoạch thực hiện các FTA mà Chính phủ đã ban hành, gần như toàn bộ các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã xây dựng Kế hoạch thực hiện các FTA của riêng mình. Tất cả các Kế hoạch này đều dựa theo các nhiệm vụ chủ yếu được nêu ra trong Kế hoạch của Chính phủ. Điều này giúp ích rất nhiều cho việc xây dựng FTA Index vì có cơ sở để xây dựng các bộ chỉ số chung cho toàn bộ các tỉnh, thành.

Thứ ba, với tác động tích cực của các FTA đã đi vào hiệu lực, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam tiếp tục khởi sắc, từ đó tạo thêm động lực và sự hào hứng cho các doanh nghiệp khi tham gia khảo sát.

## **2. Khó khăn**

Thứ nhất, đại dịch Covid-19 bùng phát từ đầu năm 2020 và diễn biến phức tạp trong năm 2021 đã tác động nghiêm trọng tới các hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước. Nhiều doanh nghiệp phải tạm ngưng hoạt động để thực hiện giãn cách xã hội, dẫn tới việc tiếp cận doanh nghiệp để khảo sát là rất khó khăn, đặc biệt trong quý 3 năm 2021.

Thứ hai, việc xây dựng và triển khai các kế hoạch thực hiện các FTA của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mới được tiến hành rõ ràng theo Kế hoạch thực hiện trong thời gian gần đây. Vì vậy, những thông tin, dữ liệu thống kê ở cấp tỉnh liên quan tới lĩnh vực này chưa được đầy đủ và đồng bộ. Điều này cũng khiến cho việc thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ cho quá trình xây dựng FTA Index còn gặp khó khăn.

Thứ ba, việc xây dựng FTA Index là ý tưởng và mô hình mới, chưa có tiền lệ trên thế giới. Do đó, quá trình xây dựng phải tự tìm hiểu, nghiên cứu và thử nghiệm, không có mô hình cụ thể để tham khảo.

## **VII. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI**

### **1. Giai đoạn 2021-2022**

Trong năm 2021, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã triển khai việc nghiên cứu xây dựng Bộ chỉ số FTA Index thông qua việc tổ chức khảo sát thực tế đối với 1.650 doanh nghiệp từ 63 tỉnh, thành phố để có cơ sở dữ liệu nhằm đánh giá mức độ khả thi của việc xây dựng Bộ chỉ số. Bộ Công Thương đã nghiên cứu, đánh giá, xây dựng Bảng hỏi, thực hiện điều tra khảo sát trên lượng mẫu nhỏ để dễ dàng đánh giá hơn với lượng dữ liệu thu thập được. Bảng dữ liệu thu thập được, Bộ Công Thương đã đưa ra các mô hình để đánh giá dữ liệu, từ đó tìm cách tính toán đối với Bộ chỉ số FTA Index.

Trong năm 2022, trên cơ sở các chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Bộ Công Thương triển khai xây dựng dự thảo Đề án FTA Index lấy ý kiến của các Bộ, ngành, và địa phương để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Sau khi đề án được phê duyệt, Bộ Công Thương sẽ tiến hành nghiên cứu và xây dựng kế hoạch cho năm 2023 trong đó tiếp thu các ý kiến đã nhận được từ các Bộ, ngành, các địa phương và các chuyên gia. Bộ Công Thương cũng sẽ mở rộng phạm vi điều tra và đưa ra các điều chỉnh phù hợp dựa vào các phản biện đã nhận được trong giai đoạn khởi tạo. Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương sẽ tính toán Bộ chỉ số FTA index cho việc thực thi của các địa phương trong năm 2023.

## **2. Giai đoạn từ 2023 trở đi**

Từ năm 2023 trở đi, việc điều tra để thu thập dữ liệu sơ cấp làm cơ sở để đánh giá và tính toán Bộ chỉ số FTA Index sẽ được tiến hành hàng năm, trong đó, mỗi năm, Bộ Công Thương sẽ đánh giá, điều chỉnh các kết quả đã đạt được trong năm trước đó cùng với các phản hồi của các Bộ, ngành có liên quan, các địa phương, các chuyên gia đầu ngành thuộc các lĩnh vực để đưa ra và thí điểm những điều chỉnh cần thiết nhằm hoàn thiện hơn Bộ chỉ số này. Hàng năm, Bộ Công Thương sẽ nghiên cứu mở rộng và kết hợp với các nguồn số liệu sơ cấp, thứ cấp có uy tín khác hoặc kết hợp tổ chức điều tra với các đơn vị có cùng chung tiêu chí chọn mẫu để lượng dữ liệu thu thập được ngày một đa dạng và chính xác hơn.

## **VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Để thực hiện hoạt động của Đề án này, dự kiến sẽ có các nguồn kinh phí như sau:

- Ngân sách Nhà nước;
- Nguồn tài trợ của các đối tác nước ngoài, tập trung vào các nước phát triển như Ôt-xtrây-li-a, Liên minh châu Âu, Vương quốc Anh, Niu Di-lân, Ca-na-đa... và một số tổ chức quốc tế như Ngân hàng thế giới (WB) v.v;
- Nguồn kinh phí xã hội hóa (trong quá trình thực hiện sẽ kêu gọi thêm sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề...).

## **VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và tổ chức có liên quan triển khai thực hiện Đề án. Ngoài ra, Bộ Công Thương chủ trì thành lập Tổ công tác liên Bộ để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong Đề án (nêu tại Tiểu Phụ lục 1) sau khi Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ định đầu mối phụ trách phối hợp với Bộ Công Thương trong quá trình triển khai Đề án.

3. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, và Thông tấn xã Việt Nam tổ chức truyền thông, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về triển khai Đề án.

4. Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan vận động các đối tác phát triển nước ngoài và các tổ chức quốc tế... cũng như các doanh nghiệp, Hiệp hội ngành hàng... hỗ trợ kinh phí để góp phần thực hiện Đề án.

5. Bộ Tài chính cân đối, bố trí kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước để triển khai các hoạt động của Đề án trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Công Thương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

## TIÊU PHỤ LỤC 1

### CÁC CÔNG VIỆC CỤ THỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN FTA INDEX

S T T	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Thành lập Tổ công tác liên Bộ triển khai các nhiệm vụ của Đề án FTA Index	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành liên quan	2022
2	Xác định cơ quan đầu mối phối hợp triển khai Đề án FTA Index tại địa phương	Bộ Công Thương	Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2022
3	Hoàn thiện Bộ câu hỏi khảo sát, Bộ chỉ tiêu đánh giá	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành liên quan, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2022 và các năm tiếp theo
4	Triển khai vận động các tổ chức quốc tế, các đối tác nước ngoài, cộng đồng doanh nghiệp... hỗ trợ kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ của Đề án FTA Index	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao và các Bộ, ngành liên quan	2022 và các năm tiếp theo
5	Tổ chức tuyên truyền về FTA Index	Bộ Công Thương	Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam	2022 và các năm tiếp theo
6	Triển khai khảo sát lấy ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp theo Bộ câu hỏi khảo sát	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành liên quan, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2023 và các năm tiếp theo
7	Tổng hợp số liệu khảo sát, xây dựng Bộ chỉ số và thực hiện đánh giá kết quả thực hiện các FTA tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bộ Công Thương	Các Bộ, ngành liên quan, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2023 và các năm tiếp theo
8	Tổ chức công bố kết quả thực hiện các FTA tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bộ Công Thương	Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam	2023 và các năm tiếp theo

1 FTA song phương: FTA Việt Nam-Nhật Bản, FTA Việt Nam-Chi lê, FTA Việt Nam-Hàn Quốc, FTA Việt Nam-Khối Kinh tế Á-Âu, FTA Việt Nam-EU, FTA Việt Nam- Vương quốc Anh.

FTA nhiều bên: Hiệp định AFTA, ASEAN-Trung Quốc, ASEAN-Hàn Quốc, ASEAN-Ấn Độ, ASEAN-Nhật Bản, ASEAN-Úc & Niu Di lân, ASEAN-Hồng Kông, RCEP, CPTPP.